TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH** Bản án số 47/2021/HNGĐ-ST Ngày 23-9-2021 V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Đỗ Mạnh Tăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Giang Thanh;

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh H S L, sinh năm 1993; Đăng ký hộ khẩu thường trú: HN, ĐH, PT.

- **Bị đơn:** Chị N T T M, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: HN, ĐH, PT. Hiện chị M đang lao động tại Nhật Bản.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Bà Phạm Thị Lụa, sinh năm 1970; Địa chỉ: VĐ, VT, TB.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh H S L trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N T T M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thứ, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống không hạnh phúc và nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về tính tình, quan điểm, kết hợp với kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột và chỉ chung sống được một thời gian ngắn rồi vợ chồng sống ly thân nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã can thiệp, hòa giải nhưng anh chị vẫn không thể đoàn tụ. Năm 2019 chị M sang Nhật Bản làm việc và hầu như cắt mọi liên lạc với anh L, anh L cũng không quan tâm, không hỏi han chị M vì anh L không muốn duy trì hôn nhân nữa. Nay anh L xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị M.

+Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Hà Chi, sinh ngày 01/11/2017. Con chung của anh chị do chị M trực tiếp nuôi dưỡng từ khi sinh ra cho đến khi anh chị sống ly thân và đến nay con chung đang do mẹ đẻ chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung được chăm sóc và phát triển tốt. Hiện nay anh L đang làm việc ở Hà Nội, công việc bận mải nhưng mức thu nhập không cao nên chỉ có thể gọi điện hỏi han con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng. Khi anh chị ly hôn, anh L đề nghị Tòa án giao con chung cho chị M nuôi dưỡng để cuộc sống của con chung được ổn định như hiện nay. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng.

+Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị N T T M gửi văn bản trình bày ý kiến:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị M trình bày về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn như anh L đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng 08 tháng (đến khi chị M sinh con) thì anh L bỏ đi, không liên lạc gì với gia đình. Chị M đã nhiều lần gọi anh L về để vợ chồng cùng nhau chăm sóc con chung nhưng anh L không về. Gia đình hai bên cũng khuyên răn anh L về

đoàn tụ nhưng anh L kiên quyết không đoàn tụ. Vì vậy vợ chồng chị sống ly thân, anh L không quan tâm đến chị M. Năm 2019 chị M sang Nhật Bản làm việc, tình trạng hôn nhân của vợ chồng vẫn không cải thiện, vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay chị M xác định vợ chồng chị sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn anh L.

+Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Hà Chi, sinh ngày 01/11/2017. Từ khi con chung sinh ra chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến khi chị sang Nhật Bản chị đã nhờ mẹ đẻ chị là bà Phạm Thị Lụa nuôi dưỡng, chị thường xuyên gọi điện hàng ngày để quan tâm hỏi han con và gửi tiền về nhờ mẹ chị chăm sóc con chung. Hiện nay con chung sinh sống ổn định và phát triển tốt. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con cho chị nuôi dưỡng để chị ủy quyền cho mẹ đẻ chị nuôi dưỡng trong thời kỳ chị ở Nhật Bản. Chị M đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

+Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị Lụa trình bày:* Từ năm 2019 chị M đi lao động tại Nhật Bản, con chung của anh L, chị M là cháu Hà Chi do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu M được chăm sóc chu đáo, sinh sống ổn định, phát triển tốt. Khi anh L, chị M giải quyết ly hôn, bà Lụa đề nghị Tòa án giao con chung Hà Chi cho chị M nuôi dưỡng, bà Lụa nhận ủy quyền về việc nuôi cháu Hà Chi từ chị M.

Đại diện VKSND tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của anh L và chị M thể hiện thời gian chung sống của vợ chồng rất ít, hôn nhân không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn. Mặc dù khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã tìm cách hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên răn nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ và đều thống nhất ly hôn là thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần xử cho anh L ly hôn chị M là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh L và chị M đều xác định anh chị có một con chung là Hà Chi, sinh ngày 01/11/2017. Từ khi sinh con chung cho đến khi vợ chồng sống ly thân, con chung của anh chị đều do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Khi chị M đi làm việc tại Nhật Bản anh L cũng không trực tiếp nuôi con mà để cho mẹ đẻ chị M nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh L không có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy mặc dù anh L đang sinh sống làm việc ở Việt Nam, có khả năng trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng anh L không tha thiết nuôi con chung mà đề nghị Tòa án giao cho chị M nuôi dưỡng. Con chung của anh chị hiện đang do bà Lụa nuôi dưỡng, con chung được chăm sóc chu đáo, sinh sống ổn định, phát triển tốt, bà Lụa đề nghị được nhận ủy quyền nuôi cháu Hà Chi trong quá trình chị M làm việc tại Nhật Bản. Như vậy, việc giao con chung cho chị M nuôi dưỡng và chấp nhận việc ủy quyền nuôi con của chị M cho bà Lụa sẽ tốt hơn giao cho anh L nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng phù hợp với mức thu nhập của anh L nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị M đều xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh H S L được ly hôn chị N T T M.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị N T T M nuôi dưỡng con chung Hà Chi, sinh ngày 01/11/2017. Chấp nhận việc ủy quyền nuôi con chung của chị N T T M cho bà Phạm Thị Lụa. Bà Lụa có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu Hà Chi trong thời gian chị M làm việc Nhật Bản. Anh H S L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Anh H S L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng anh L nộp tại biên lai số 0005105 ngày 09/8/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh L tiếp tục phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Anh H S L và bà Phạm Thị Lụa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ; chị N T T M có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh

- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình
- Đương sự,
- UBND xã Hợp Nhất, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu

Đỗ Mạnh Tăng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA - PHIÊN TÒA**

Lại Đức Lợi **Hoàng Thị Thu Hiền** **Lương Hải Yến**